

Nông nghiệp Việt Nam sau 30 năm đổi mới

Hoàng Thị Bích Loan¹, Đinh Phương Hoa²

Tóm tắt: Sau 30 năm đổi mới, nông nghiệp Việt Nam đã có những chuyển biến mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp tăng bình quân 3,7%/năm. Cơ cấu sản xuất bước đầu chuyển dịch theo hướng hiện đại, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm từ 70% trong những năm 1990 xuống còn 47% hiện nay. Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trong những năm qua diễn ra còn chậm so với mục tiêu, cũng như so với các nước đi trước ở cùng giai đoạn phát triển. Chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất nông nghiệp chưa cao. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, nông nghiệp Việt Nam phải cạnh tranh các nguồn lực để tăng trưởng bền vững, đặt ra nhiều vấn đề cần quan tâm giải quyết trong chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam.

Từ khóa: Nông nghiệp; đổi mới; Việt Nam.

Abstract: After 30 years of renovation, Vietnam's agriculture has made many major achievements with many strong changes. The annual growth rate of the Gross Domestic Product (GDP) of the agro-forestry and fisheries sector is 3.7%. The manufacturing structure has had initial steps towards modernisation, with the proportion of agricultural labour reduced from 70% in the 1990s to the current figure of 47%. Yet, the process of industrialisation and modernisation of agriculture and rural areas have over the past years been still slow compared with the set targets as well as other more developed countries when they were at the same stage of development as that of Vietnam now. The quality of the farm products and the efficiency of agricultural production were not high yet. In the context of international economic integration that has been taking place stronger and stronger both in depth and in breadth, and Vietnam's agriculture need to compete to gain resources for sustainable development, arising are many new issues that need to tackle in the country's policy for agricultural development.

Keywords: Agriculture; renovation; Vietnam.

1. Mở đầu

Với khoảng 70% dân số là nông dân, vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn ở Việt Nam luôn được Đảng và Nhà nước hết sức coi trọng trong các giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam. Trong tiến trình đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đề cao vai trò của

nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Văn kiện Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng

¹ Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. ĐT: 0918943616. Email: hoangbichloan0812@gmail.com

² Học viên cao học, Học viện Khoa học xã hội.

công nghệ cao, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị gia tăng, đẩy mạnh xuất khẩu” [4, tr.92]. Bài viết phân tích thực trạng nông nghiệp Việt Nam sau 30 năm đổi mới và khuyến nghị một số chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Những thành tựu chủ yếu

2.1. Tăng trưởng GDP cao

Trong giai đoạn 2011-2015, nông nghiệp phát triển khá toàn diện trên các lĩnh vực và đang chuyển dịch theo hướng tăng các sản phẩm có lợi thế, sản xuất hàng hóa từng bước hiện đại hóa. Tỷ trọng nông nghiệp trong GDP giảm từ 20,1% năm 2011 xuống còn 19,7% năm 2013 và 17,4% năm 2015. GDP theo giá thực tế và giá so sánh ở nhóm ngành nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đều có xu hướng tăng lên. Trong đó, GDP theo giá thực tế năm 2012 cao gấp hơn 3 lần năm 2005, đạt 638.773 tỷ đồng [7, tr.77]. Trong giai đoạn 2011-2013, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông, lâm và thủy sản đạt trung bình 3,4%/ năm, giá trị sản xuất toàn ngành (theo giá so sánh năm 2010) tăng bình quân 3,9%/năm. Năm 2014, tăng trưởng GDP đạt 3,49%, cao hơn các năm 2012, 2013 (năm 2013 đạt 2,67%). Bình quân giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng GDP của ngành nông nghiệp đạt 3,13%/năm, vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XI đề ra (2,6%-3%).

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tái cơ cấu ngành nông nghiệp đã được triển khai trên tất cả các lĩnh vực và ngành nông nghiệp đạt mục tiêu duy trì tăng trưởng, đáp ứng nhu cầu ngày càng

cao về lương thực, thực phẩm trong nước và tăng cường xuất khẩu. Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức kế hoạch đề ra, góp phần phát triển kinh tế, ổn định chính trị và bảo đảm an sinh xã hội của cả nước. Các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp đều có mức tăng trưởng khá. Năm 2015, sản lượng các ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, diêm nghiệp đều tăng so với năm 2014. Trong đó, sản lượng các loại cây trồng tiếp tục tăng: lúa tăng 241 nghìn tấn, ngô tăng 78 nghìn tấn, sắn tăng 464 nghìn tấn, rau đậu thực phẩm tăng 276,6 nghìn tấn. Các sản phẩm chăn nuôi chính đều tăng: thịt hơi các loại ước đạt 4,78 triệu tấn (tăng 3,9%), sữa tươi đạt 645,6 nghìn tấn (tăng 17,5%) thức ăn chăn nuôi công nghiệp quy đổi đạt 15,6 triệu tấn (tăng 6,2%); giá trị sản xuất tăng 4,3%. Sản lượng thủy sản đạt 6,55 triệu tấn (tăng 3,4%); trong đó, sản lượng khai thác đạt 3,03 triệu tấn (tăng 4%), sản lượng nuôi trồng đạt 3,51 triệu tấn (tăng 2,9%); giá trị sản xuất thủy sản tăng 3,06%. Cả năm trồng được 240,6 nghìn ha rừng tập trung (tăng 8,5%), chăm sóc được 426 nghìn ha rừng trồng; thu dịch vụ môi trường rừng đạt khoảng 1.200 tỷ đồng (tăng 20%); giá trị sản xuất lâm nghiệp ước tăng 7,92%, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40,73% (tăng 0,3%). Diện tích làm muối ước đạt 15,1 nghìn ha (tăng 2,4%) và khoảng 1,5 triệu tấn (tăng 25%).

Ngành trồng trọt không còn tình trạng độc canh cây lúa, thay vào đó là sự thâm canh, xen canh rất rõ rệt trên mọi vùng kinh tế. Các sản phẩm từ ngành trồng trọt ngày một có giá trị cao trên thị trường thế giới. Đáng chú ý trong năm 2015, cây ăn quả với nhiều chủng loại, sản lượng tăng nhanh và

đang trở thành hướng chuyển đổi hiệu quả trong tái cơ cấu ngành trồng trọt, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân trong nước và xuất khẩu tăng mạnh. Nhiều địa phương đã phát triển vùng cây ăn quả hàng hóa tập trung đem lại thu nhập cao cho người dân. Nhiều loại trái cây như nhãn, vải, xoài đã tiếp cận được các thị trường xuất khẩu khó tính như Mỹ, Australia, Liên minh Châu Âu (EU), Nhật Bản..., góp phần giúp cho xuất khẩu rau quả trong thời gian qua liên tục tăng trưởng mạnh.

Việc ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp nói chung và trong ngành trồng trọt nói riêng ngày càng được đẩy mạnh về cả chiều rộng lẫn chiều sâu, nhằm tạo ra nhiều giống mới năng suất cao, chất lượng tốt, chịu sâu bệnh tốt, giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh. Do những quy định ngày càng khắt khe về chất lượng sản phẩm nên ngành nông nghiệp Việt Nam đã quan tâm nhiều hơn đến yếu tố chất lượng và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, hướng tới một ngành nông nghiệp sạch. Ngành trồng trọt từ chỗ chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, đã quan tâm đến yếu tố lâu dài, bền vững. Nhờ có sự can thiệp của khoa học kỹ thuật, với giống cây mới, điều kiện chăm sóc đặc biệt đã làm cho nhiều loại cây trồng cho thu hoạch quanh năm. Cây trồng trái vụ không chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng của con người, mà còn đem lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất.

Ngành chăn nuôi đạt năng suất, sản lượng và chất lượng không ngừng tăng lên. Đây là hệ quả tất yếu của một nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa lớn hiện đại nhằm

đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế. Với những chính sách thương mại rộng mở, ngành chăn nuôi có cơ hội tiếp cận với công nghệ hiện đại. Nông dân có cơ hội mua được các vật tư đầu vào với giá tương đối rẻ. Trong hội nhập quốc tế, người chăn nuôi phải thay đổi những thói quen, tập quán chăn nuôi truyền thống hoặc thiếu tính bền vững, không chỉ phải quan tâm tới năng suất, sản lượng mà còn phải đặc biệt quan tâm tới chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm. Những đòi hỏi về tiêu chuẩn xuất khẩu đã tác động đến các chủ thể của ngành chăn nuôi, buộc họ phải thay đổi cách thức sản xuất, kinh doanh. Nhiều nông dân từ chỗ chỉ biết áp dụng những phương tiện và phương pháp thủ công nay đã biết tiếp cận với khoa học, công nghệ, nhất là những công nghệ mới, làm cho năng suất tăng lên, chủng loại phong phú, đa dạng và đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng ở nhiều quốc gia trên thế giới.

Ngành chăn nuôi cũng ngày càng thể hiện rõ tính tập trung trong sản xuất, từ chỗ chủ yếu là những đơn vị sản xuất nhỏ lẻ, sử dụng sức lao động thủ công sang mô hình các trang trại chăn nuôi quy mô lớn. Từ chăn nuôi gia súc, gia cầm đến nuôi trồng thủy sản, phần lớn được quy hoạch tuy chưa thực sự khoa học. Mô hình trang trại được coi là điển hình nhất của sự tập trung trong ngành chăn nuôi. Chăn nuôi tập trung sẽ tạo thuận lợi cho chăm sóc và phòng chống dịch bệnh vật nuôi cũng như thuận tiện trong tiêu thụ sản phẩm. Nhờ vậy, nhiều hộ gia đình đã có điều kiện liên kết với các viện nghiên cứu để có được những giống vật nuôi cho năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh cao và kháng bệnh tốt. Thế mạnh của ngành chăn

nuôi tập trung chủ yếu vào nuôi trồng thủy sản như tôm và cá basa do Việt Nam là nước có nhiều sông hồ, kênh rạch, diện tích bờ biển dài, nhiều đầm phá.

Ngành lâm nghiệp đạt mức tăng trưởng khá. Năm 2014, tăng trưởng đạt mức 7,9%, cao hơn so với các năm trước; giá trị tổng sản lượng tăng đến 10,89% và xuất khẩu tăng 10%. Đây là mức tăng trưởng rất cao, bởi chỉ 10 năm trước đây mức tăng của ngành này chỉ khoảng 1,5%. Sản lượng của ngành lâm nghiệp tăng do thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đều tăng trưởng mạnh nên đã khuyến khích khai thác và trồng rừng sản xuất. Nhiều địa phương đã thực hiện cơ chế liên doanh, liên kết đầu tư trồng rừng, phát triển nguồn nguyên liệu với các hộ gia đình nhằm bao tiêu sản phẩm tại ba thị trường tiêu thụ mạnh là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Quốc. Sản lượng gỗ khai thác năm 2015 đạt khoảng 8.309 nghìn m³, tăng 11,9% so với năm 2014. Diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 244,8 nghìn ha, tăng 10,8% so với năm 2014, trong đó trồng mới rừng phòng hộ, đặc dụng đạt 24,9 nghìn ha, tăng 14,6%; trồng mới rừng sản xuất đạt 220 nghìn ha, tăng 10,4%.

Ngoài ra, ngành công nghiệp chế biến nông sản đã nhanh chóng phát triển cả về quy mô, cơ cấu, hiệu quả kinh tế và đáp ứng nhu cầu không nhỏ của thị trường nông sản. Nhiều doanh nghiệp mới được hình thành, trong đó có các doanh nghiệp liên doanh liên kết với nước ngoài, có trụ sở hoặc văn phòng đại diện ở nước ngoài. Các doanh nghiệp chế biến quy mô mở rộng được đặt ở không chỉ các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp mà còn ở vùng nông thôn, nơi tập trung chủ yếu các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Điều này đã góp

phần quan trọng vào việc giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ lao động và làm thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam.

Nhiều loại hình của công nghiệp chế biến ra đời, phổ biến nhất hiện nay là các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước hay công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần... Sự thay đổi về loại hình cũng phần nào đáp ứng được nhu cầu bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản trên một phạm vi tương đối rộng. Đặc biệt, với những lợi thế nhất định, các loại hình doanh nghiệp này đã tiếp cận thị trường quốc tế một cách thuận lợi hơn các đơn vị chế biến nhỏ lẻ, tự phát trước đây, nhất là việc quảng bá và khẳng định thương hiệu hàng nông sản Việt Nam chất lượng cao. Biến đổi rõ nét nhất là sự hình thành và phát triển của các khu công nghiệp chế xuất. Nhờ đó, việc chế biến nông sản tập trung và hiệu quả hơn.

2.2. Xuất khẩu nông sản tăng

Việc mở cửa thị trường, cắt giảm các dòng thuế đã tạo cơ hội cho nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam vươn xa trên thị trường thế giới và đứng ở vị trí tốp đầu về sản lượng cũng như kim ngạch xuất khẩu. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2012 đạt 27,5 tỷ USD, tăng 2,5 lần so với năm 2006 (đạt 10,6 tỷ USD); năm 2015 đạt 30 tỷ USD, tăng 5,6 % so với năm 2010 [4, tr.235]. Đến nay, Việt Nam đã có nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu đạt thứ hạng cao trên thế giới như gạo, cà phê, cao su, cá tra, tôm, hạt điều, hồ tiêu, sản phẩm đồ gỗ chế biến... Từ một nước thường xuyên phải nhập hàng triệu tấn lương thực của nước ngoài, hơn thập

niên qua Việt Nam đã giải quyết vấn đề an ninh lương thực, thực phẩm trên phạm vi cả nước và trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới. Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), so với cùng kỳ năm 2015, xuất khẩu gạo ba tháng đầu năm 2016 tăng 57,6% về lượng và tăng 51,1% về giá trị. Cá tra là mặt hàng được đánh giá có nhiều thế mạnh, gần 95% sản lượng cá tra sản xuất tại Việt Nam được xuất khẩu, đạt kim ngạch 1,8 tỷ USD/năm, chiếm 98% thị trường tiêu thụ cá tra trên thế giới. Cá tra Việt Nam là mối lo ngại của các đối thủ cạnh tranh, bởi vậy Hoa Kỳ thường xuyên áp dụng mức thuế chống bán phá giá với các nhà xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Sản phẩm nông sản xuất khẩu không ngừng mở rộng về thị trường và chủng loại. Đồng thời, thị trường nông sản nội địa đã và đang được mở rộng giữa các vùng, miền cả về số lượng, chủng loại và mẫu mã. Các doanh nghiệp thương mại nỗ lực đưa hàng hóa nông sản chế biến về tiêu thụ tại vùng nông thôn để kích cầu tiêu dùng và chiếm lĩnh thị trường nông thôn trong nước.

3. Những hạn chế

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm và thu nhập của nông dân còn thấp. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, ngành chăn nuôi và dịch vụ chưa phát huy được tiềm năng phát triển. Ngành trồng trọt vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị sản xuất của toàn ngành. Trên thực tế, nông nghiệp nước ta vẫn nặng về trồng trọt, chăn nuôi và dịch vụ chưa phát triển. Một trong những khó khăn của sản xuất nông nghiệp nói chung,

của ngành trồng trọt nói riêng là nguồn giống. Những giống cây trồng được sử dụng nhiều chủ yếu là lai tạo bằng các phương pháp truyền thống, bằng kinh nghiệm; giống mới được lai tạo trong nước thường có giá thành rất cao, nhiều hộ nông dân không có khả năng tiếp cận.

Thứ hai, trình độ khoa học, công nghệ, năng suất lao động trong nông nghiệp còn thấp so với yêu cầu phát triển như trình độ cơ giới hóa, nhất là khâu áp dụng cơ giới hóa trong thu hoạch; công nghệ chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản còn lạc hậu.

Thứ ba, các yếu tố khách quan và chủ quan đối với việc tạo dựng và phát triển chuỗi giá trị nông sản hàng hóa còn rất sơ khai, chưa hình thành đầy đủ; phổ biến tình trạng thiếu cơ chế liên kết hữu cơ giữa sản xuất nông nghiệp với chế biến, đóng gói và tiêu thụ các loại nông sản. Hợp tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Việc nhận thức về mô hình liên kết trong sản xuất nông nghiệp chưa đầy đủ, dẫn đến việc chưa thống nhất trong chỉ đạo, triển khai thực hiện của chính quyền địa phương và các ngân hàng thương mại. Điều này khiến các chủ thể trong chuỗi chưa chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, các cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn còn nhiều vướng mắc về thủ tục vay vốn do không có tài sản thế chấp...

Thứ tư, trong những năm gần đây, vốn đầu tư vào nông nghiệp thấp và có xu hướng giảm. Năm 2008, vốn đầu tư trực

tiếp nước ngoài (FDI) vào nông nghiệp là 3% tổng FDI vào Việt Nam, năm 2011 là 1%, năm 2014 là 1,4%.

Thứ năm, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong nước thường mang tính tình thế, không theo một chương trình tổng thể, chưa tạo động lực đủ mạnh để khắc phục tình trạng yếu kém của sản xuất nông nghiệp hiện nay. Chính sách hỗ trợ về thuế, cước vận chuyển, các loại phí chưa được áp dụng đầy đủ và chưa hấp dẫn các nhà đầu tư bỏ vốn vào kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Nhóm người chịu thiệt thòi nhiều nhất chính là nông dân sản xuất nhỏ lẻ, nghèo, yếu thế do thiếu năng lực chuyển dịch cơ cấu sản xuất, nhưng chưa được hỗ trợ để giảm thiểu tác động.

Một số chính sách còn bộc lộ nhiều hạn chế, như: chính sách đất nông nghiệp chưa hướng tới củng cố các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chưa thúc đẩy tạo ra các đơn vị sản xuất quy mô lớn; chính sách tín dụng chưa thực sự tạo cơ hội cho nông dân, nhất là những người sản xuất giỏi, những người nghèo có phương án sản xuất kinh doanh. Giá vốn tín dụng cho vay cao, lại bị đội lên bởi các khoản phụ phí công khai và không công khai; điều đó khiến cho chủ thể sản xuất nông nghiệp rất khó khăn trong huy động nguồn vốn vào phát triển ngành sản xuất có nhiều rủi ro (rủi ro từ thị trường, rủi ro từ thiên tai...). Các chính sách tín dụng ưu đãi hiện nay chủ yếu vẫn hướng vào các doanh nghiệp lớn, chưa hướng vào các doanh nghiệp nhỏ, hộ nông dân, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực nông lâm, thủy sản. Chính sách tín dụng ưu đãi về mức vốn vay, điều kiện cho vay, thời gian vay chưa linh hoạt để hỗ trợ đắc lực

cho sản xuất hàng hóa quy mô lớn; chính sách phát triển khoa học, công nghệ, nhất là chuyển giao công nghệ, chưa đi sâu, đi sát cùng với nông dân, khiến cho nhiều chương trình sản xuất kinh doanh nông nghiệp (như sản xuất rau an toàn, sản xuất lúa chất lượng cao ở vùng đồng bằng, nuôi trồng thủy hải sản...) bước đầu được hình thành nhưng thiếu nguồn lực để phát triển; chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho nông dân còn hạn chế. Nhiều trường nghề, trung tâm nghề được hình thành nhưng không phát triển hoặc chết yểu, do người lao động được đào tạo nghề không phù hợp, không thực tế khiến cho quá trình đào tạo đó lãng phí nguồn lực; chính sách đầu tư chưa đủ lớn để tạo ra kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, nhất là kết cấu hạ tầng ở các vùng sản xuất tập trung cây công nghiệp, cây ăn quả, các vùng chăn nuôi đại gia súc; chính sách phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp chậm triển khai, bị coi nhẹ làm cho nguồn nhân lực nông nghiệp không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hiện đại, có tính hợp tác và tuân thủ nghiêm túc các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm theo các cam kết của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

4. Một số khuyến nghị chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam

Một là, đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa lớn. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, Việt Nam cần đẩy mạnh phát triển liên kết trong sản xuất nông nghiệp với các loại hình liên kết đa dạng, phù hợp, hiệu quả. Tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên

cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình với các tổ chức hợp tác và doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Khuyến khích liên kết giữa hộ nông dân sản xuất với tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế nhập khẩu đi đôi với triển khai các biện pháp giúp người sản xuất nông nghiệp phòng ngừa rủi ro. Cần đưa ra các biện pháp phòng ngừa tác động xấu khi các mức thuế nhập khẩu mới được áp dụng theo cam kết.

Hai là, có cơ chế chính sách, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý. Chú trọng các biện pháp, chính sách mang mục tiêu dài hạn có tác động nâng cao chất lượng nông sản hàng hóa, hình thành các chuỗi giá trị nông sản mạnh tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; cho vay tín dụng phải bám sát với tổ chức lại sản xuất thì mới hiệu quả. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư phát triển nông nghiệp, đặc biệt là đầu tư công.

Ba là, thực hiện chiến lược nâng cao hiểu biết, năng lực và trách nhiệm của cán bộ quản lý nhà nước về nông nghiệp ở các cấp, nhất là ở cấp huyện và cấp xã để bảo đảm đúng chức năng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hộ nông dân, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế khác trên địa bàn, bảo đảm cho việc thực hiện các cam kết của Việt Nam và các chính sách của Nhà nước đối với nông nghiệp được triển khai đầy đủ và đúng tới

các đối tượng thuộc diện điều chỉnh và hưởng lợi.

Bốn là, quan tâm xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý để nâng cao sức cạnh tranh ngành hàng, tạo sân chơi bình đẳng cho các thành phần kinh tế. Cần có sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc đầu tư đổi mới công nghệ, hỗ trợ ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là giống, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản, chế biến, công nghệ thông tin, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, đẩy mạnh xúc tiến thương mại để đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường hỗ trợ kiến thức và công nghệ cho nông dân thông qua các chương trình khuyến nông, khuyến lâm giúp nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn nông thôn.

Năm là, tiếp tục đơn giản hoá các thủ tục quản lý xuất nhập khẩu đối với các mặt hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp. Cơ cấu nông sản xuất khẩu cần khai thác hợp lý tiềm năng trong nước, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái và thích ứng với những biến động của thị trường thế giới. Đồng thời, củng cố, tăng cường năng lực bộ máy quản lý chuyên ngành, biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) nhằm đảm bảo các sản phẩm nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tăng cường bộ máy và năng lực theo dõi tình

hình nhập khẩu nông sản nhằm tăng khả năng các cảnh báo sớm tình trạng nhập khẩu tràn lan làm ảnh hưởng đến sản xuất trong nước để có thể áp dụng biện pháp tự vệ.

Sáu là, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp vừa có tri thức tốt về kiến thức nông học, vừa có năng lực tốt về hợp tác, liên kết cùng nhau trong sản xuất và trong phối hợp với doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh sản phẩm nông nghiệp trong chuỗi giá trị nông sản, khép kín quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Bảy là, chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực quản lý và ứng phó rủi ro liên quan đến thời tiết và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cũng như các rủi ro về thị trường. Cải thiện hệ thống dự báo, cảnh báo sớm và gắn kết hệ thống này với dịch vụ tư vấn nông nghiệp; thay đổi phương pháp canh tác và lựa chọn giống phù hợp với các vùng đất có những biến đổi khác nhau về khí hậu; xây dựng năng lực nghiên cứu và phát triển để có thể giải quyết được những thách thức mới nảy sinh của quá trình biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thúc đẩy thị trường bảo hiểm nông nghiệp, tăng cường khả năng ứng phó của nông dân đối với rủi ro, bảo đảm nông nghiệp ít có sự tác động xấu của biến đổi khí hậu; các địa phương, nhất là các tỉnh ở vùng thấp cần có kế hoạch ứng phó kịp thời, bố trí sản xuất nông nghiệp phù hợp.

5. Kết luận

Hiện nay, Việt Nam là thành viên của Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên

Thái Bình Dương (TPP), cạnh tranh trong nước diễn ra gay gắt hơn do nguồn hàng nhập khẩu từ các nước TPP vào Việt Nam gia tăng. Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, chủ động thích ứng, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, cải thiện chất lượng sản phẩm để tối đa hóa lợi ích của hội nhập, giảm thiểu những tác động bất lợi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2013), *Báo cáo thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW*, tháng 9.
- [2] Nguyễn Sinh Cúc (2013), “Tổng quan nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 25 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (Khóa VI)”, Tạp chí *Kinh tế và Quản lý*, số 6.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6] Vũ Văn Phúc (2012), *Xây dựng nông thôn mới: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Thời báo Kinh tế Việt Nam (2013), *Kinh tế 2012-2013, Việt Nam và Thế giới*, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Quốc Toàn (2015), “Một số vấn đề về tái cơ cấu nông nghiệp Việt Nam”, Tạp chí *Kinh tế và Quản lý*, số 16.

